

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ủy quyền cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã một số nhiệm vụ,  
quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã trong lĩnh vực đất đai**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BỜ Y**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Điều 4 Nghị định số 315/2025/NĐ-CP ngày 08/12/2025 của Chính phủ quy định Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu;*

*Căn cứ Luật đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật Đất đai sửa đổi, bổ sung ngày 29 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 08/5/2026 của Ủy ban nhân dân xã Bờ Y về việc ban hành Quy chế làm của Ủy ban nhân dân xã Bờ Y nhiệm kỳ 2026-2031;*

*Căn cứ Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 26/8/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã về việc điều chỉnh phân công nhiệm vụ Chủ tịch, các phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bờ Y, nhiệm kỳ 2026-2031;*

*Theo đề nghị của Chánh văn phòng HĐND và UBND xã và Trưởng phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường xã.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ủy quyền cho ông Trần Sỹ Hải, Phó chủ tịch UBND xã Bờ Y thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã theo quy định tại Điều 5, Điều 10, Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ, cụ thể:

1. Quyết định thu hồi đất thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai; thu hồi đất liên quan đến quy định tại Điểm b, Khoản 3, Khoản 5, Điểm b, Khoản 6, Điều 87 và Khoản 7, Điều 91, Luật Đất đai (Điểm b, Khoản 1, Điều 5, Nghị định 151/2025/NĐ-CP).

2. Ban hành Thông báo thu hồi đất quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 87, Luật Đất đai (Điểm c, Khoản 1, Điều 5, Nghị định 151/2025/NĐ-CP).

3. Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 87, Luật Đất đai (Điểm d, Khoản 1, Điều 5, Nghị định

151/2025/NĐ-CP).

4. Phê duyệt phương án cưỡng chế quyết định thu hồi đất và kinh phí cho 2 hoạt động cưỡng chế quy định tại Điểm b, Khoản 5, Điều 89, Luật Đất đai (Điểm đ, Khoản 1, Điều 5, Nghị định 151/2025/NĐ-CP).

5. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 136 và Điểm d, Khoản 2, Điều 142 Luật Đất đai. (Điểm h, Khoản 1, Điều 5, Nghị định 151/2025/NĐ-CP).

6. Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với cá nhân quy định tại Điểm c, Khoản 1 và Điểm a, Khoản 2, Điều 123, Luật Đất đai; quyết định giao đất đối với cộng đồng dân cư quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 123, Luật Đất đai; quyết định giao đất nông nghiệp cho cá nhân quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 178, Luật Đất đai (Điểm m, Khoản 1, Điều 5, Nghị định 151/2025/NĐ-CP).

7. Ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc quy định tại Điểm đ, Khoản 2, Điều 87, Luật Đất đai (Điểm b, Khoản 2, Điều 5, Nghị định 151/2025/NĐ-CP).

8. Giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư với nhau quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 236, Luật Đất đai; ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai quy định tại Khoản 4, Điều 236, Luật Đất đai. (Điểm g, Khoản 2, Điều 5, Nghị định 151/2025/NĐ-CP).

9. Ban hành quyết định giao đất cho cá nhân đủ điều kiện quy định tại Điều 53, Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (viết tắt là Nghị định số 102/2024/NĐ-CP), (Điểm d, Khoản 4, Điều 5, Nghị định 151/2025/NĐ-CP).

10. Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các trường hợp được miễn toàn bộ tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê theo quy định của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; (Điểm d, Khoản 2, Điều 10, Nghị định 151/2025/NĐ-CP).

11. Quyết định hình thức sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 142, Luật Đất đai đối với trường hợp sử dụng đất theo hình thức quy định tại Điều 118 và Khoản 3, Điều 120, Luật Đất đai hoặc trường hợp quy định tại Điều 119 và Khoản 2, Điều 120, Luật Đất đai mà được miễn toàn bộ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê theo quy định của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất. (Điểm đ, Khoản 2, Điều 10, Nghị định 151/2025/NĐ-CP).

**Điều 2.** Thời hạn được giao quyền: Kể từ ngày ký Quyết định này cho đến khi có Quyết định thay thế hoặc các trường hợp chấm dứt hiệu lực theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Ông Trần Sỹ Hải thực hiện nhiệm vụ theo phạm vi được ủy quyền tại khoản 2 Điều 1. chịu trách nhiệm về những quyết định của mình trước Chủ tịch UBND xã và pháp luật.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Xây dựng-Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, ông Trần Sỹ Hải căn cứ Quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 5;
- Thường trực Đảng uỷ xã;
- Thường trực HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã
- Các cơ quan, ban, ngành thuộc UBND xã;
- Ban quản lý các thôn;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, TH

**CHỦ TỊCH**



**Y Lan**